Số: 84/QĐ-ATTP
Thời gian ký: 25/08/2026 13:56:28 +07:00

DỰ TOÁN THU - CHI NGUỒN NGÂN SÁCH NĂM 2026

Đơn vị: Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm

Mã số QHSDNS : 1098403

Chương : 423

(Kèm theo Quyết định số : 84 /QĐ-ATTP ngày 25 /08 / 2026 của Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm)

Đơn vị tính : đồng

STT	NỘI DUNG	TCNKP	Tổng cộng	Chi cục ATVSTP
	Loại			**340**
	Khoản			**341**
	Mã loại dự toán			**Bổ sung**
A	**Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí**			
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**			
	Chi hành chính nhà nước			
1	**Dự toán được giao**		**120.135.000**	**120.135.000**
1.1	**Dự toán ngân sách nhà nước**		**113.971.000**	**113.971.000**
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		113.971.000	113.971.000
	-Kinh phí tiền lương tăng thêm thực hiện Nghị định số 161/NĐ-CP từ tháng 7/2026 đến tháng 12/2026		113.971.000	113.971.000
	+ Cấp bổ sung đợt này		37.971.000	37.971.000
	+Trong đó: Tiết kiệm 10% theo định mức phân bổ chi hoạt động năm 2026-nguồn kinh phí giao tự chủ		76.000.000	76.000.000
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		-	-
1.2	**Cho phép các cơ quan, đơn vị dự toán khối tỉnh sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2025 còn dư chuyển sang năm 2026, đang được theo dõi, quản lý tại đơn vị**		**6.164.000**	**6.164.000**
	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên(Tiết kiệm 10% theo định mức phân bổ chi hoạt động năm 2025(từ nguồn kinh phí tự chủ))		60.000	60.000
	+ Nguồn NSNN (nguồn 14)		60.000	60.000
	-Nguồn thực hiện cải cách tiền lương trích từ số thu được để lại		6.104.000	6.104.000
	+ Nguồn thu phí		6.104.000	6.104.000
2.	**Dự toán bị khấu trừ**		-	-
3.	**Dự toán đơn vị được rút tại KBNN**		**113.971.000**	**113.971.000**
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		**113.971.000**	**113.971.000**
	-Kinh phí tiền lương tăng thêm thực hiện Nghị định số 161/NĐ-CP từ tháng 7/2026 đến tháng 12/2026		113.971.000	113.971.000
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		-	-
4.	**Cho phép các cơ quan, đơn vị dự toán khối tỉnh sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2025 còn dư chuyển sang năm 2026, đang được theo dõi, quản lý tại đơn vị**		**6.164.000**	**6.164.000**
	- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên(Tiết kiệm 10% theo định mức phân bổ chi hoạt động năm 2025(từ nguồn kinh phí tự chủ))		**60.000**	**60.000**
	+ Nguồn NSNN (nguồn 14)		60.000	60.000
	-Nguồn thực hiện cải cách tiền lương trích từ số thu được để lại		**6.104.000**	**6.104.000**
	+ Nguồn thu phí		6.104.000	6.104.000